

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2018
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú và ông Nguyễn Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn B1, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Công L, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn B1, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 31/01/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày như sau: Nguyên đơn và ông Lê Công L có quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/7/1991 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cũng có hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, ông L không quan tâm chăm sóc vợ con và xây dựng hạnh phúc gia đình; thường xuyên uống rượu bia say, đánh đập, xúc phạm bà Ph và các con. Tháng 7/2017, bà Ph đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết ly hôn với ông L nhưng sau đó vợ chồng đã thỏa thuận đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình (Quyết định công

nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2017/QĐST-DS ngày 28/8/2017). Tuy nhiên, sau đó ông L vẫn không thay đổi cách sống mà vẫn uống rượu bia say và đánh đập, xúc phạm vợ con như trước mặc dù bà Ph và gia đình đã nhiều lần khuyên can.

Nay bà Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Công L.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung là Lê Thị Tr, sinh ngày 05/3/1993; Lê Thị Cẩm H, sinh ngày 18/5/1994; Lê Thị Cẩm S, sinh ngày 02/5/2001 và Lê Bá V, sinh ngày 16/12/2003. Đối với chị Tr và chị H đã trên 18 tuổi, có việc làm và thu nhập cho bản thân, nên bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Ph yêu cầu được nuôi dưỡng các con Lê Thị Cẩm S và Lê Bá V; không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ph trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Ph đã nộp tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao các giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Công L, Nguyễn Thị Ph, Lê Thị Tr; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Lê Công L; bản sao giấy khai sinh các con Lê Thị Tr, Lê Thị Cẩm H, Lê Thị Cẩm S và Lê Bá V.

Đối với bị đơn ông Lê Công L:

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông Lê Công L nhưng ông L đều vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2018 (bút lục 32), ông L trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung như bà Ph trình bày là đúng, ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vẫn còn tình cảm với bà Ph nên yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng; về việc nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; tài sản chung và nợ chung ông L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ph yêu cầu ly hôn với ông thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, ông L sẽ không đến Tòa án nên đề nghị không triệu tập đối với ông.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Công L không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án Tòa án tiến hành tố tụng làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; giải quyết: Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn ông Lê Công L; về con chung: Giao cháu Lê Thị Cẩm S, sinh ngày 02/5/2001 và Lê Bá V, sinh ngày 16/12/2003 cho bà Nguyễn Thị Ph chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo đúng nguyện vọng của các cháu; ông L được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về án phí: Buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đối với ông Lê Công L mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng nêu trên nhưng ông L đều vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14 tháng 6 năm 2018, ông Lê Công L vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông Lê Công L nhưng tại phiên tòa hôm nay ông L vẫn vắng mặt. Thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng đối với ông L là hợp lệ theo quy định tại Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Lê Công L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/1991 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung giữa bà Ph và ông L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường xuyên uống rượu bia say dẫn đến đánh đập, xúc phạm bà Ph và con cái. Vì vậy, tháng 7/2017 bà Ph đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L nhưng sau đó vợ chồng thỏa thuận đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc. Nay bà Ph tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Đối với ông L mặc dù có yêu cầu đoàn tụ vợ chồng nhưng các phiên họp, phiên hòa giải ông L đều vắng mặt, chứng tỏ ông L không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng; trong khi bà Ph cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Ph và ông L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà Ph là có căn cứ nên cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn ông Lê Công L.

- Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph và ông Lê Công L có 04 người con chung. Đối với chị Lê Thị Tr, sinh năm 1993 và chị Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1994 đã trên 18 tuổi, có việc làm và thu nhập cho bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về việc nuôi con.

Bà Phấn yêu cầu được nuôi dưỡng các con chưa thành niên Lê Thị Cẩm S, sinh ngày 02/5/2001 và Lê Bá V, sinh ngày 16/12/2003. Xét thấy, cháu S và cháu V hiện đang sống với bà Ph và đều có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ. Do vậy, cần giao cháu Lê Thị Cẩm S và Lê Bá V cho bà Ph chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là đúng quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ph, ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn ông Lê Công L.

2. Về việc nuôi con: Giao các con chung gồm Lê Thị Cẩm S, sinh ngày 02/5/2001 và Lê Bá V, sinh ngày 16/12/2003 cho bà Nguyễn Thị Ph chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lê Công L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Công L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiêu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001799, ngày 27/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Công L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh TT - Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN NGỌC TÚ